

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH T**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HS-ST

Ngày: 17 – 4 – 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Tô Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Dung

2. Ông Tạ Nhật Tân – Trưởng phòng Giáo dục chuyên nghiệp, Sở Giáo dục
đào tạo tỉnh T

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thùy Dung – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh T.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Minh Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh T, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Văn H, sinh ngày 15/11/1995 tại huyện V, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao Động tự do; Trình Đ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; Con ông Trần Văn C (đã chết) và bà Vương Thị Đ; Chung sống với chị Bùi Thị M, sinh ngày 16/8/1999 và có 01 con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tháng 2/2015 đến 2016 tham gia nghĩa vụ quân sự tại Q; Bị bắt tạm giam từ ngày 13/10/2017 tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. *Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên toà.*

- Bị hại: Châu Nguyễn Thị Ngọc B, sinh ngày 14/12/2005; Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh T (*Vắng mặt*)

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:* Ông Nguyễn Thế H, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh T (*Đều có mặt*)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Bà Đinh Thị Thu T, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T (*Có mặt*)

- *Người làm chứng:*

1. Cháu Trần Văn K, sinh ngày 01/01/2006 (*Có mặt*)

Người đại diện hợp pháp của cháu K: Bà Vương Thị Đ, sinh năm 1965 (*Có mặt*)

2. Cháu Trần Văn Đ, sinh ngày 11/5/2004 (*Vắng mặt*)

Người đại diện hợp pháp của cháu Đ: Ông Trần Văn T (*Vắng mặt*)

3. Cháu Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 20/8/2001 (*Vắng mặt*)

Người đại diện hợp pháp của cháu Đạt: Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1966 (*Có mặt*)

4. Cháu Nguyễn Hữu N, sinh ngày 25/4/2006 (*Vắng mặt*)

Người đại diện hợp pháp của cháu Đạt: Bà Nguyễn Thị Đ (*Vắng mặt*)

Đều trú tại: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 05/10/2017, Trần Văn H đang đứng trong sân nhà thì nhìn thấy cháu Nguyễn Thị Ngọc B đi học về. Lúc này, H nảy sinh ý định giao cấu với cháu B, H đi ra ngoài công đứng trước mặt chặn đường cháu B. B nói: “*Tránh ra*”, đồng thời đi tránh sang bên trái đường theo chiều đi của B thì H lại đi sang chặn đường. B quay người đi ngược lại được khoảng 5 mét thì H giật chiếc cặp B đang đeo ở vai phải mang vào trong sân nhà H. B đi theo nói “*Trả cặp đây*”, H nói “*Không trả*”. B nói “*Ừ thì cầm đi, cháu về*” và B đi về hướng nhà B. Khi B đi được khoảng 2 mét, H chạy theo sau dùng tay túm tóc của B, kéo B vào trong sân nhà H. B nói “*Bỏ ra*”, H nói “*Không bỏ*” rồi nắm tay B kéo vào giữa sân và bế B lên. Cháu B giãy dụa kêu khóc, tiếp tục bảo H bỏ ra nhưng H bế B vào trong nhà, đặt xuống giường ở gian ngoài, đồng thời H nằm xuống giường cạnh B. B quay người nằm nghiêng phải, quay lưng về phía H, co hai chân lại. H bám vào vai trái, kéo B nằm ngửa ra đồng thời một chân H vòng qua quặp lấy chân trái của B kéo ghì duỗi thẳng

ra. Một tay H cởi cúc và kéo khóa quần dài của B. Sau đó H dùng tay cầm vào cạp quần bên trái, kéo tụt xuống dưới đùi và dùng chân đạp phần ống quần bên trái của B tụt xuống dưới chân. H nhô người, quỳ đê lên người B, kẹp B nằm giữa hai chân, dùng tay kéo quần khỏi người B. B liên tục kêu khóc giãy dụa bảo H bỏ ra. H bế B vào giường trong buồng, tiếp tục nằm đê lên người B, dùng ngón trỏ và ngón giữa sờ âm hộ B. Lúc này, có các cháu Trần Văn K (là em trai H), Trần Văn Đ, Nguyễn Hữu Việt, và Nguyễn Hữu N đi học về cùng đi vào nhà H, nghe thấy B khóc nên tất cả đi vào trong buồng chứng kiến sự việc. K nói: “*Anh H bỏ ra cho cái B nó về*”, H nói “*Không phải việc của mày, đi ra*”, do vậy K và Đ đi ra ngoài hiên đứng, Việt và N đi về nhà. K gọi điện cho mẹ là bà Vương Thị Đ nói “*Mẹ ơi, anh H rử chị B lên giường*”. Bà Đ nói “*Bảo con B về đi, thằng H bố lão*”. K tắt điện thoại, quay vào trong buồng, tiếp tục nói “*Anh H để cho chị B về đi*”, H vẫn quỳ chân kẹp hai bên hông B, tay trái giữ vai phải ấn người B xuống giường, tay phải dấm vào ngực K một cái. K sợ chạy ra ngoài. Lúc này Nguyễn Hữu Đ ở cùng thôn đến, nghe thấy tiếng B khóc, Đạt đi vào trong buồng, K và Đ theo sau. Nhìn thấy H đang đê lên người B, Đạt nói “*Anh H làm gì thế, bỏ cái B cho nó về*”. H bỏ B ra, xuống giường kéo ri đô lại, đi ra gian nhà ngoài cầm quần vào cho B mặc. H đi ra sân dùng chân đá vào người K một cái và đạp điện thoại của K xuống sân. Ngay sau đó bà Nguyễn Thị V (là mẹ của cháu B) đi ngang qua nhà H, được K và Đạt gọi vào nên bà V vào trong buồng đưa cháu B về và trình báo Công an xã H.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Những người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Thế H và bà Nguyễn Thị V tại phiên tòa yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại các khoản bao gồm tiền đi giám định 1.000.000 đồng, tiền thuê xe đi lại 900.000 đồng và khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần 13.000.000 đồng, tổng cộng 14.900.000 đồng.

Bản cáo trạng số 09/CT-VKSTB ngày 07/02/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T đã truy tố bị cáo Trần Văn H về tội “*Hiếp dâm người dưới 16 tuổi*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 142 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “*Hiếp dâm người dưới 16 tuổi*”. Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 142; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 50; Điều 57; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt Trần Văn H từ 05 năm 6 tháng đến 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/10/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại, bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 14.900.000 đồng.

Ngoài ra, đại diện Viện Kiểm sát còn đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của bị hại và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại không có ý kiến gì về phần tội danh đối với bị cáo, đề nghị HĐXX xử bị cáo với mức hình phạt nghiêm minh, cao hơn mức đề nghị đại diện Viện Kiểm sát đưa ra.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì thêm và nói lời sau cùng: Hành vi phạm tội của bị cáo là sai trái, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, những người đại diện hợp pháp của bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khoảng 17 giờ ngày 05/10/2017, tại nhà ở của Trần Văn H ở thôn H, xã H, huyện V, tỉnh T, H đã có hành vi chặn đường, lấy cặp sách, túm tóc kéo cháu Nguyễn Thị Ngọc B vào trong sân, khi đó mới 11 tuổi 9 tháng 21 ngày. Sau đó mặc cho cháu B kêu khóc, giãy dụa, bị cáo đã bế cháu B vào trong nhà, dùng vũ lực tác Đng lên bộ phận sinh dục của cháu B với mục đích thực hiện hành vi giao cấu thì bị người khác phát hiện, ngăn chặn. Theo quy định tại Điều 142 Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội "*Hiếp dâm người dưới 16 tuổi*" thì:

"Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi trái với ý muốn của họ;

b) Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người dưới 13 tuổi.

.....

4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của C bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với đơn trình báo, lời khai của bị hại là cháu Nguyễn Thị Ngọc B (BL 172 – 186), phù hợp với lời khai của những người làm chứng là các cháu Trần Văn K, Trần Văn Đ, Nguyễn Hữu Việt, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Hữu Đ (BL 187 – 229)... Ngoài ra còn được chứng minh bằng những tài liệu, chứng cứ như:

- Bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 24/17/TD ngày 10/10/2017 của Trung tâm pháp y – Sở y tế T (BL 44 – 45);

- Phiếu xét nghiệm, phiếu khám chuyên khoa tình dục (BL 46 – 47);

- Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường (BL 50 – 53);

- Biên bản kiểm tra thông tin trên điện thoại do Công an huyện V, tỉnh T lập ngày 06/10/2017: Trên điện thoại nhãn hiệu Viettel màu vàng đồng có lắp sim số 01636731609 của bà Trần Thị Đ thể hiện cuộc gọi đến ghi tên “Con K” vào hồi 16 giờ 57 phút ngày 05/10/2017, thời gian gọi 36 giây. Theo bà Đ trình bày đây là cuộc gọi của cháu K con trai bà báo về việc thấy B và H đang ở trong buồng. Bà nghĩ đến việc B và H xảy ra quan hệ tình dục nên bà nói với K bảo B về. (BL 67 – 69);

Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4] Bị cáo Trần Văn H là người đã thành niên, có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nhưng vẫn dùng vũ lực để thực hiện hành vi giao cấu với cháu Nguyễn Thị Ngọc B khi chưa đủ 13 tuổi. Việc bị cáo H không thực hiện được hành vi giao cấu do có một số người phát hiện và ngăn cản nằm ngoài mong muốn của H. Hành vi nêu trên của Trần Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi” và thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Người phạm tội chưa đạt phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Trần Văn H đã phạm tội “Hiếp dâm người dưới 16

tuổi” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 142 Bộ luật Hình sự năm 2015 như Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T đã truy tố. Bị cáo Trần Văn H bị khởi tố về tội “Hiếp dâm trẻ em” theo quy định tại khoản 4 Điều 112 Bộ luật Hình sự năm 1999, đến nay, Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có hiệu lực, qua so sánh thấy mức hình phạt quy định tại điểm b khoản 1 Điều 142 Bộ luật Hình sự năm 2015 từ 07 năm đến 15 năm, nhẹ hơn so với mức hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 112 Bộ luật hình sự năm 1999 từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình; theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định có lợi quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo.

[5] Đánh giá tính chất, mức Đ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền được bảo vệ thân thể, nhân phẩm, danh dự của trẻ em, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng tiêu cực đến thuần phong mỹ tục, đạo Đ xã hội đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển bình thường về tâm, sinh lý của người chưa thành niên.

[6] Đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ thái Đ ăn năn, hối cải, nhân thân bị cáo đã từng tham gia nghĩa vụ quân sự nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Từ những nhận định trên, cần phải áp dụng với bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách li bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo, và góp phần vào công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn H và những người đại diện hợp pháp của bị hại đã thỏa thuận bị cáo bồi thường toàn bộ trách nhiệm dân sự cho bị hại là cháu Nguyễn Thị Ngọc B các khoản bao gồm tiền đi giám định 1.000.000 đồng, tiền thuê xe đi lại 900.000 đồng và khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần 13.000.000 đồng, tổng cộng 14.900.000 đồng. Xét thấy sự thỏa thuận giữa bị cáo và gia đình bị hại là tự nguyện, không trái pháp luật, căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 584; 585; 592 Bộ luật Dân sự, cần chấp nhận sự thỏa thuận trên, bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho cháu Nguyễn Thị Ngọc B số tiền 14.900.000 đồng.

[9] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý:

- 01 điện thoại di Động cảm ứng mặt màn hình có vết rạn nứt, vỏ màu đen nhãn hiệu Nokia Lumia 520 đã cũ là tài sản của bị cáo Trần Văn H, không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho bị cáo.

- 01 điện thoại di Động nhãn hiệu Masstel vỏ màu đỏ đã cũ bên trong không có pin, không có sim, là tài sản thu giữ của bà Vương Thị Đ, cần trả lại cho bà Đ.

- 02 chiếc nhựa kẻ ngang đã cũ liên quan đến việc phạm tội, không còn giá trị, cần tịch thu và tiêu hủy.

- 01 áo dài tay dạng áo rằn ri, có logo quân Đội nhân dân Việt N ở tay áo bên trái; 01 áo sơ mi màu trắng, cánh tay áo bên trái có logo in trường THCS H, toàn bộ mặt áo ngoài dính chất màu đen; 01 áo phông nữ nền trắng có chấm đen, cổ tròn đã cũ; 01 quần dài nữ màu đen và 01 quần lót nữ màu xanh, là những vật không còn giá trị, không sử dụng được, cần tịch thu và tiêu hủy.

Những vật chứng trên đã được Cục thi hành án dân sự tỉnh T quản lý theo Biên bản giao nhận, bảo quản tang vật, tài sản thi hành án ngày 09/02/2018. (BL 355C)

[10] Quá trình điều tra còn xác định: Ngày 25/01/2015 H và chị Mai được hai gia đình tổ chức đám cưới và tự nguyện chung sống với nhau tại thôn H, xã H, huyện V, tỉnh T. Khi đó, chị Mai 15 tuổi 05 tháng 09 ngày nên không đăng ký kết hôn do chưa đủ tuổi. Ngày 13/11/2015 chị Mai sinh cháu Trần Bảo Anh với chuẩn đoán thai 39 tuần, giấy khai sinh không có bố. H và chị Mai không khai báo về việc có quan hệ giao cấu với nhau hay không. Quá trình điều tra, chị Mai từ chối cung cấp mẫu giám định ADN của chị và cháu Bảo Anh. Hiện chưa đủ căn cứ xác định Trần Văn H có hành vi giao cấu với người dưới 16 tuổi, do đó yêu cầu cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ về hành vi này, nếu có căn cứ thì xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với việc tổ chức đám cưới của bị cáo H và chị Mai có dấu hiệu của tội “*Tổ chức tảo hôn*” nhưng do trước đó những người tổ chức đám cưới chưa bị xử phạt hành C nên không cấu thành tội phạm và đến nay thời hiệu xử phạt vi phạm hành C đã hết nên Cơ quan điều tra không xử lý.

[11] Về án phí: Bị cáo Trần Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn H phạm tội “*Hiếp dâm người dưới 16 tuổi*”.

[2] Về hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 142; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 50; Điều 57; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt Trần Văn H 06 (Sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/10/2017.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 584; 585; 592 Bộ luật Dân sự:

Chấp nhận sự thỏa thuận về trách nhiệm dân sự giữa bị cáo và những người đại diện hợp pháp của bị hại: Bị cáo Trần Văn H có trách nhiệm bồi thường cho cháu Nguyễn Thị Ngọc B, sinh ngày 14/12/2005; nơi cư trú tại thôn H, xã H, huyện V, tỉnh T số tiền 14.900.000 đồng (*Mười bốn triệu chín trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày người bị hại có đơn xin thi hành án đối với khoản tiền bồi thường trên, bị cáo có trách nhiệm phải trả, nhưng chưa trả thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận, thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại bị cáo Trần Văn H 01 điện thoại di Động cảm ứng mặt màn hình có vết rạn nứt, vỏ màu đen nhãn hiệu Nokia Lumia 520 đã cũ.

- Trả lại bà Vương Thị Đ, sinh năm 1965, nơi cư trú tại thôn H, xã H, huyện V, tỉnh T 01 điện thoại di Động nhãn hiệu Masstel vỏ màu đỏ đã cũ bên trong không có pin, không có sim.

- Tịch thu và tiêu hủy 02 chiếc nhựa kẻ ngang đã cũ, 01 áo dài tay dạng áo rằn ri, có logo quân Đội nhân dân Việt N ở tay áo bên trái; 01 áo sơ mi màu trắng, cánh tay áo bên trái có logo in trường THCS H, toàn bộ mặt áo ngoài dính chất màu

đen; 01 áo phong nữ nền trắng có chấm đen, cổ tròn đã cũ; 01 quần dài nữ màu đen và 01 quần lót nữ màu xanh.

Những vật chứng trên đã được Cục thi hành án dân sự tỉnh T quản lý theo Biên bản giao nhận, bảo quản tang vật, tài sản thi hành án ngày 09/02/2018. (BL 355C)

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Trần Văn H phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 745.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 17/4/2018. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo –trại tạm giam;
- VKSND tỉnh T;
- Bị hại – TGVPL;
- CA tỉnh;
- Sở tư pháp;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ;

Tô Thị Lý

Nơi nhận:

- Các bị cáo –trại tạm giam;
- VKSND tỉnh T;
- CA tỉnh;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tô Thị Lý

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Các hội thẩm nhân dân
toà**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên

Ngô Thanh Mai

Nơi nhân:
THẨM

- Bị cáo – Trại giam;
- VKSND tỉnh T;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần N Mẫn

